



Lập trình WEB

Đại Học Sài Gòn – Khoa CNTT

PHP nâng cao

GV: Phan Thị Kim Loan

Nội dung bài trước

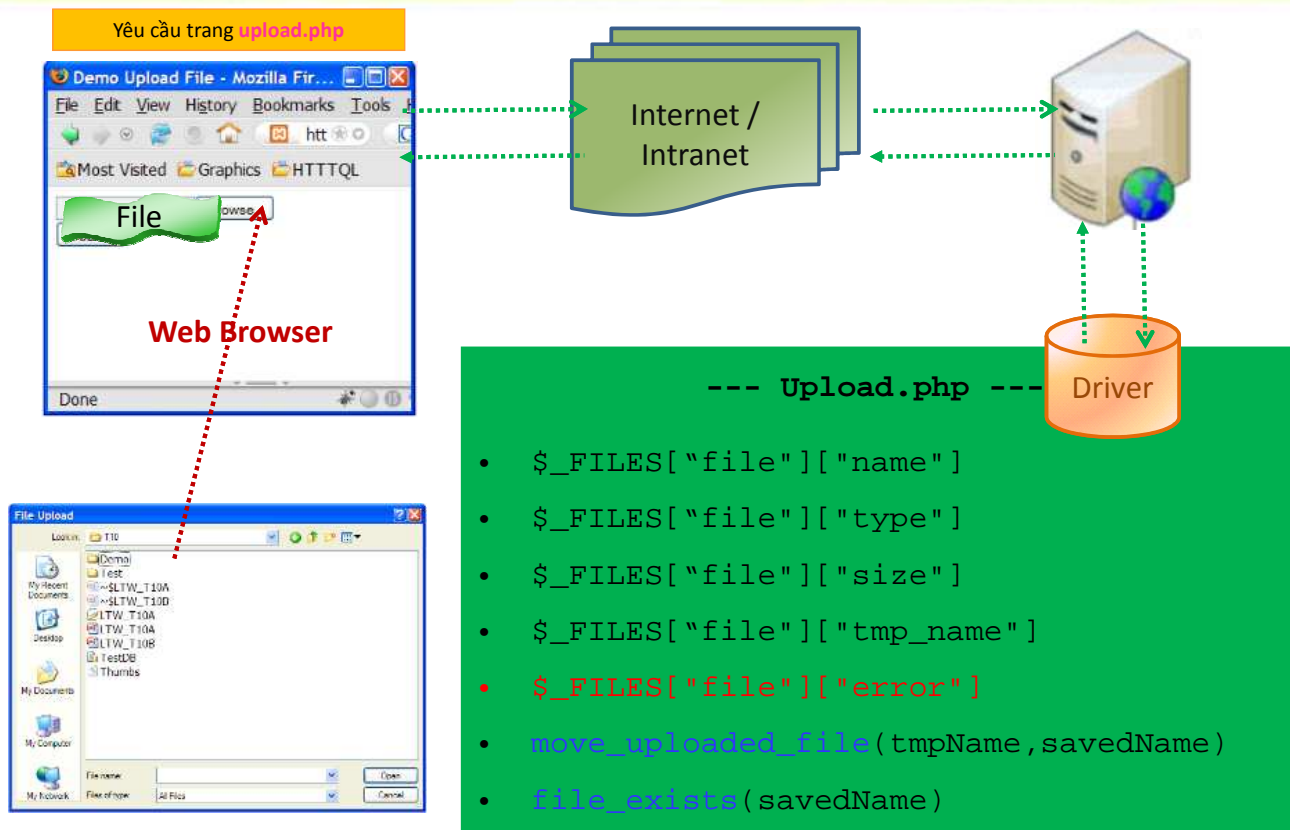
- 1.CSDL mySQL - phpMyAdmin
- 2.Lập trình với CSDL mySQL
- 3.Kết nối PHP và CSDL
- 4.Các ví dụ
- 5.Thực hành

1. Upload File
2. Phân trang
3. Cookies
4. Sessions

Upload File

- Cơ chế Upload File
- Thiết kế Form cho phép Upload File
- Xử lý Lưu File upload lên server
- Kiểm tra lỗi, định dạng, kích thước File upload

Cơ chế Upload File



Thiết kế Form cho phép Upload File

■ Thiết lập thuộc tính Form

– Method : **POST**

– Enctype: **multipart/form-data**

--- UploadForm.htm ---

```
<FORM method="POST" action="upload.php"
      enctype="multipart/form-data">
  <input type="FILE" name="myfile" ><br>
  <input type="submit" value="Submit">
</FORM>
```

Xử lý lưu File lên File System trên Server

■ `move_uploaded_file(tmp_name, saved_name)`

```
--- Upload.php ---

<?php
    move_uploaded_file( $_FILES["file"]["tmp_name"],
                        "upload/" . $_FILES["file"]["name"]);

    echo "Upload: " . $_FILES["file"]["name"] . "<br />";
    echo "Type: " . $_FILES["file"]["type"] . "<br />";
    echo "Size: " . ($_FILES["file"]["size"] / 1024) . " Kb<br />";
    echo "Temp. Stored in: " . $_FILES["file"]["tmp_name"];
?>
```

Kiểm tra lỗi, định dạng và kích thước file

```
--- Upload.php ---

<?php
if (($_FILES["file"]["type"] == "image/gif")
    || ($_FILES["file"]["type"] == "image/jpeg")
    && ($_FILES["file"]["size"] < 20000))
{
    if ($_FILES["file"]["error"] > 0)
    {
        echo "Error Code: " . $_FILES["file"]["error"] . "<br />";
    }
    else{ // Xu ly luu file }
}
?>
```

Phân trang

- Tính tổng số record: `$numrows`
// dem so mau tin co trong CSDL
`$sql = "SELECT COUNT(*) AS numrows FROM T_BOOK";`
`$result = DataProvider::executeQuery($sql);`
`$row = mysql_fetch_array($result);`
`$numrows = $row['numrows'];`
- Xác định số lượng record tối đa được trình bày trên trang:
`$rowsPerPage - $rowsPerPage = 2;`
- Lấy biến trang hiện hành: `$pageNum`
 - Nếu chưa có, `$pageNum = 1`
- Sử dụng phát biểu `LIMIT start, num_record` để lấy chính xác dữ liệu cần
- Xác định liên kết đến Trang trước, Trang kế

Phân trang

- Lấy biến trang hiện hành: `$pageNum`
// mac dinh hien thi trang 1
`$pageNum = 1;`

// neu co tham so \$_GET['page'] thi su dung no la trang hien thi
`if(isset($_GET['page']))`
`{`
`$pageNum = $_GET['page'];`
`}`

Phân trang

- Sử dụng phát biểu **LIMIT** `start, num_record`:
sửa lệnh gán `$sql` trong ví dụ mẫu thành:

```
// dem chi so cua mau tin dau tien
$offset = ($pageNum - 1) * $rowsPerPage;
$sql = "SELECT * FROM T_BOOK" .
      " LIMIT $offset, $rowsPerPage";
```

Phân trang

- Bổ sung các lệnh sau vào vị trí đặt liên kết

```
// tinh tong so trang se hien thi
```

```
$maxPage = ceil($numrows/$rowsPerPage);
```

```
// hien thi lien ket den tung trang
```

```
$self = "pagingbooks.php";
```

```
$nav = "";
```

```
for($page = 1; $page <= $maxPage; $page++){
```

```
    if ($page == $pageNum) {
```

```
        $nav .= " $page "; // khong can tao link cho trang hien hanh
```

```
    }
```

```
    else {
```

```
        $nav .= " <a href=\"\$self?page=$page\">$page</a> ";
```

```
    }
```

```
}
```

Phân trang

// tao lien ket den trang truoc & trang sau, trang dau, trang cuoi

```
if ($pageNum > 1)
```

```
{
```

```
    $page = $pageNum - 1;
```

```
    $prev = " <a href=\"\$self?page=$page\">[Trang trước]</a> ";
```

```
    $first = " <a href=\"\$self?page=1\">[Trang đầu]</a> ";
```

```
}
```

```
else
```

```
{
```

```
    $prev = '&nbsp;'; // dang o trang 1, khong can in lien ket trang truoc
```

```
    $first = '&nbsp;'; // va lien ket trang dau
```

```
}
```

Phân trang

```
if ($pageNum < $maxPage)
```

```
{
```

```
    $page = $pageNum + 1;
```

```
    $next = " <a href=\"\$self?page=$page\">[Trang kế]</a> ";
```

```
    $last = " <a href=\"\$self?page=$maxPage\">[Trang cuối]</a> ";
```

```
}
```

```
else
```

```
{
```

```
    $next = '&nbsp;'; // dang o trang cuoi, khong can in lien ket trang ke
```

```
    $last = '&nbsp;'; // va lien ket trang cuoi
```

```
}
```

// hien thi cac link lien ket trang

```
echo "<center>". $first . $prev . $nav . $next . $last . "</center>";
```

Cookies



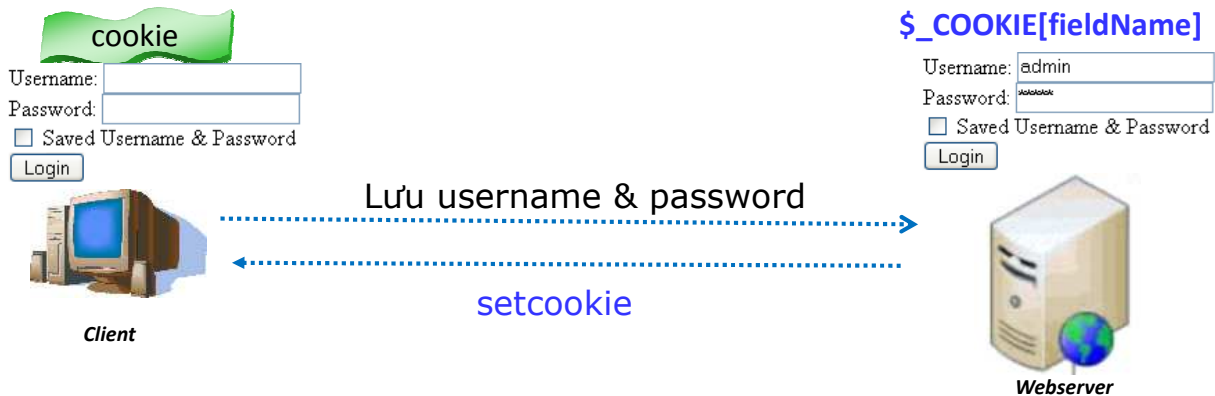
- Là 1 tập tin được server lưu xuống máy của client
- Mỗi lần client gửi request 1 trang web, đồng thời sẽ gửi file cookie này lên server
- Các điều khiển xử lý thông tin (lưu, lấy) do server thực hiện
- Thường được sử dụng để lưu thông tin cá nhân của client

Sử dụng cookies

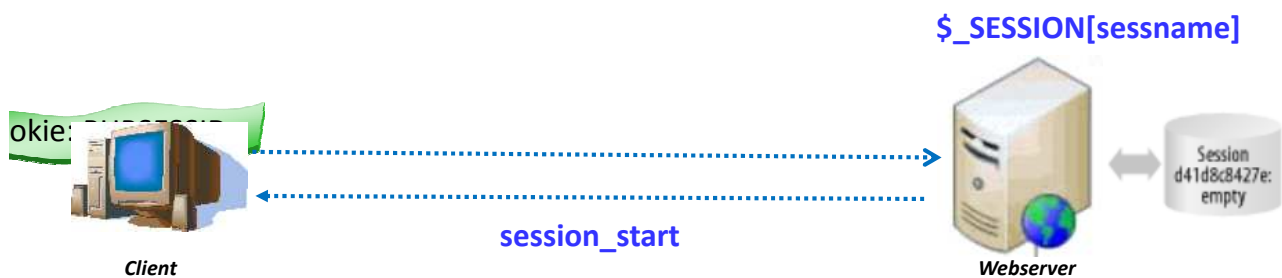
- Lệnh ghi cookie
 - `setcookie(name, value, expire, path, domain);`
 - `setrawcookie(name, value, expire, path, domain);`
 - Name: tên cookie
 - Value: giá trị cookie
 - Expire: ngày/khoảng thời gian hết hạn hết hạn
 - Path : đường dẫn mà cookie được gửi đi
 - Domain : xác định tên miền mà cookie được gửi đi
 - **Bắt buộc phải xuất hiện trước thẻ `<html>`**
- Lấy giá trị cookie
 - `echo $_COOKIE["cookieName"];`
- Xóa cookie
 - `setcookie("cookieName", "", time()-3600);`

Ví dụ cookies

▪ Lưu thông tin đăng nhập



Session



- Là thông tin về client được server lưu trên máy của server
- Sử dụng cookie lưu định danh duy nhất cho từng client
- Mục đích lưu biến dữ liệu dùng chung cho nhiều trang trong 1 phiên làm việc của client

Sử dụng session

▪ Khởi động Session

- `session_start();`

- *Bắt buộc phải xuất hiện trước thẻ <html>*

▪ Ghi & Đọc giá trị Session

- `$_SESSION["sessionName"] = value`

- `$_SESSION["sessionName"][] = array(...)`

- `if (isset($_SESSION["sessionName"]))`

- `echo $_SESSION["sessionName"];`

▪ Hủy Session

- `session_destroy();`

Cấu hình session

▪ Cấu hình trong php.ini

▪ `ini_set('parameter', value);`

- Gọi trước hàm `session_start();`

Parameter	Default	
session.auto_start	0	Không tự động
session.cookie_lifetime	0	Tồn tại cho đến khi đóng browser
session.name	PHPSESSID	Tên biến cookie
...		

Ứng dụng session

- Làm thế nào để ngăn không cho người dùng truy cập vào các trang web nếu chưa đăng nhập?
- Ý tưởng
 - Dùng các biến Session để lưu trạng thái đăng nhập của người dùng:
 - `$_SESSION["IsLogin"] = 0/1`** : Lưu trạng thái đăng nhập
 - `$_SESSION["Username"]`** : Lưu Tên đăng nhập
 - `$_SESSION["Authentication"]`** : Lưu Loại quyền đăng nhập
 - ...

Bắt người dùng truy cập web sau đăng nhập

1. Tạo trang **login.htm** yêu cầu người dùng đăng nhập.
2. Tạo trang **validateuser.php** là trang xử lý thông tin đăng nhập từ trang login
 - Kết nối với CSDL, kiểm tra xem thông tin đăng nhập có đúng hay không.
 - Nếu không đúng thì cho redirect đến trang login.htm.
 - Còn nếu ĐÚNG thì dùng một biến Session để lưu trạng thái login thành công lại.
 - Ví dụ `$_SESSION["IsLogin"] = 1`.
 - Lưu ý là phải đặt giá trị mặc định cho biến này là 0 khi khởi tạo một Session.
3. Tạo trang **logout.php** là trang xử lý khi người dùng logout
 - Reset trạng thái login là chưa đăng nhập

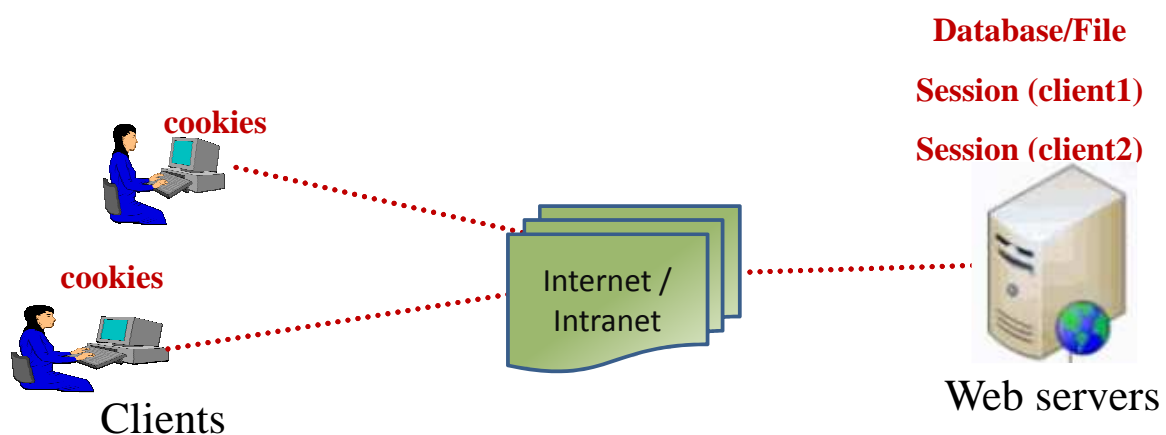
Bắt người dùng truy cập web sau đăng nhập

4. Trong tất cả các trang muốn bảo mật, phải thêm đoạn mã sau để kiểm tra người dùng đã login hay chưa, nếu chưa thì redirect lại trang login.htm

```
<?php
    session_start();

    if ($_SESSION["IsLogin"] != 1)
        header("Location: login.htm");
?>
```

So sánh



Thông tin chia sẻ	Vị trí lưu trữ	Thời gian tồn tại	Số client	Số trang web sử dụng
Database/File	Server	Dài	N	N
Session	Server	Ngắn	1	N
Cookies	Client	Dài	1	N

- PHP Cookbook, 2nd Edition, David Sklar & Adam Trachtenberg , O'Reilly , 2006
- Learning PHP and MySQL, Michele Davis & Jon Phillips , O'Reilly, June 2006
- Learning PHP 5, David Sklar, O'Reilly, June 2004
- http://www.w3schools.com/JS/js_cookies.asp
- <http://www.quirksmode.org/js/cookies.html>
- Google

Bài thực hành

Đại Học Sài Gòn – Khoa CNTT

PHP nâng cao

- Xem demo một số ví dụ
- Code lại các bài đã minh hoạ
- Giao đồ án web động PHP



Thank you !

kimloanpt@gmail.com